

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 634/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tuyền

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Lại Hữu Tâm
- Ông Phạm Văn Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Ánh T**, sinh năm: 1984

Địa chỉ thường trú: ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông **Đình Công T**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T và ông T có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông Đình Công T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007 do hai

bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam vào ngày 28/02/2008. Thời gian đầu sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống âm êm, hạnh phúc, gia đình hai bên hòa thuận, không có mâu thuẫn. Thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cãi vã, không khí gia đình mỗi ngày luôn ngột ngạt, không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau khiến cho tâm trạng của bà rất chán nản, ảnh hưởng rất nhiều đến cảm xúc cũng như công việc của bà. Mặc dù vợ chồng bà đã nhiều lần ngồi với nhau để tìm cách hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên can rất nhiều lần nhưng vợ chồng bà vẫn không thể hòa hợp được, lúc nào cũng xung đột. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hòa giải để cứu vãn hôn nhân, cuộc sống không còn hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn xảy ra, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như hiện tại do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Công T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà ông và Tùng có 02 con chung tên là Đinh Anh K, sinh ngày 25/9/2008 và Đinh Thảo V, sinh ngày 29/01/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Đinh Anh Khoa và trẻ Đinh Thảo V; bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho mỗi trẻ.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 4 năm 2024 và tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Công T trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Ánh T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2008 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam vào năm 2008. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn xảy ra. Đến tháng 11/2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và chăm sóc con chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn với bà T và ông mong muốn con cái có cha mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đinh Anh K, sinh ngày: 15/9/2008 và Đinh Thảo V, sinh ngày: 29/01/2018. Hiện tại, các con chung đang sống cùng ông và bà T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao trẻ Đinh Anh K và trẻ Đinh Thảo V cho bà T chăm sóc, nuôi con. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi trẻ.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ánh T về việc ly hôn với ông Đinh Công T.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Đinh Anh K, sinh ngày 15/9/2008 và trẻ Đinh Thảo Vay, sinh ngày: 29/01/2018 cho bà Trần Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Ánh T khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Đinh Công T nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đinh Công T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyền số 01 thể hiện ông Đinh Công T và bà Trần Thị Ánh T đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của bà T và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ánh T: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Công T với lý do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hai bên xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm.

[4] Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, ông T trình bày ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Ánh T vì ông vẫn còn tình cảm và mong muốn con cái có cha mẹ đồng thời ông cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[6] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[7] Mặc dù địa phương chưa tiếp nhận hồ sơ yêu cầu hòa giải mâu thuẫn hôn nhân và gia đình giữa bà T và ông T nhưng tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và chăm sóc con cái và hai bên thừa nhận đã sống ly thân trong thời gian dài. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa bà T và ông T có xảy ra mâu thuẫn trong thời gian chung sống và mâu thuẫn diễn ra trong dài mà hai bên không thể hòa giải. Bên cạnh đó, trong quá trình giải Tòa án quyết vụ án, bà T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, điều này chứng tỏ bà T thực sự không mong muốn đoàn tụ với ông T.

[8] Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và được xây dựng từ tình cảm yêu thương từ hai phía nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và đến thời điểm xét xử bà T vẫn cương quyết xin ly hôn, còn ông T không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[9] Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về con chung: Bà T và ông T cùng xác nhận có 02 con chung tên là Đinh Anh K, sinh ngày: 15/9/2008 và Đinh Thảo V, sinh ngày: 29/01/2018.

[11] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

[12] Tại Bản tự khai ngày 05/4/2024, trẻ Đinh Anh K thể hiện ý kiến nếu ba mẹ ly hôn thì trẻ Khoa mong muốn sống cùng mẹ. Tại phiên tòa, ông T đồng ý giao trẻ Đinh Anh K và trẻ Đinh Thảo V cho bà T chăm sóc, nuôi con. Xét thấy, hai bên đã thỏa thuận được về vấn đề con chung và sự thỏa thuận này phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi trẻ. Tổng cộng tiền cấp dưỡng hàng tháng cho hai con là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, hai bên đã thỏa thuận được về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và sự thỏa thuận này phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Về tài sản chung: Bà T và ông T đều xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[15] Về nợ chung: Bà T và ông T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[17] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[18] Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bị đơn ông Đinh Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ánh T về việc yêu cầu ly hôn với ông Đinh Công T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh T được ly hôn với Đinh Công T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01 đăng ký ngày 28/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Ánh T và ông Đinh Công T có 02 con chung tên là Đinh Anh K, sinh ngày: 15/9/2008 và Đinh Thảo V, sinh ngày: 29/01/2018.

Giao trẻ Đinh Anh K và trẻ Đinh Thảo V cho bà Trần Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đinh Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Đinh Anh K và trẻ Đinh Thảo V mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho mỗi trẻ. Tổng cộng, ông Đinh Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

Bà Trần Thị Ánh T và ông Đinh Công T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 10/8/2024 cho đến khi trẻ Đinh Anh K và trẻ Đinh Thảo V thành niên.

Trường hợp ông Đinh Công T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Trần Thị Ánh T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Đinh Công T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ánh T và ông Đinh Công T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Ánh T và ông Đinh Công T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0033336 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Ánh T đã nộp đủ án phí.

2.2 Ông Đinh Công T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ánh T và ông Đinh Công T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Lê Thị Kim Tuyền**